

Số: 40 /QĐ-CCTTBVTV

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 01115/QĐ-SNNMT ngày 31/12/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Đắk Lắk về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2026; Quyết định 836/QĐ-SNNMT ngày 18/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Đắk Lắk về việc giao tiết kiệm chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Giao phòng Hành chính, Tổng hợp có trách nhiệm công khai công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp; Trưởng các phòng, trạm KDTV nội địa, trạm khu vực thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT (để báo cáo);
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các Phòng, Trạm;
- Đ/c Nguyễn Trung Hiếu (Website);
- Lưu VT, TH (Đ05b).

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hắc Hiến



Đơn vị: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Chương: 41/2

THỰC VẬT

Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Chương: 41/2

THỰC VẬT

Mẫu biểu số 75

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

(03 THÁNG/06 THÁNG/09 THÁNG/ CẢ NĂM)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày ...tháng... năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách (06 tháng) như sau:

Đơn vị: đồng					
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật				
I	Số thu, chi, nộp ngân sách các khoản thu				
a	Số thu phí, lệ phí	435,000,000	361,750,000	83.2	
-	Lệ phí	5,000,000	2,250,000		
-	Phí	390,000,000	323,100,000		
-	Thu phạt vi phạm hành chính	40,000,000	36,400,000		
b	Chi từ nguồn thu phí được để lại	289,000,000			
-	Chi quản lý hành chính (Loại 340, Khoản 341)	289,000,000			
c	Số phí, lệ phí nộp NSNN	106,000,000	325,350,000	306.9	
-	Lệ phí	5,000,000	2,250,000		
-	Phí	101,000,000	323,100,000		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22,611,400,000	7,710,692,012	34.1	
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340, Khoản 341)	9,259,400,000	2,950,252,595	31.9	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5,083,400,000	2,212,760,280	43.5	
+	Quỹ lương	3,964,000,000	1,888,253,980		
+	Chi thường xuyên	1,119,400,000	324,506,300		
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4,176,000,000	737,492,315	17.7	
a	Chi hoạt động	2,931,000,000	737,492,315	25.2	
	Hoạt động bấy đèn truyền thống (15 bấy)	67,000,000	0		
	Hoạt động hệ thống giám sát côn trùng thông minh (04 bấy)	131,000,000	0		
	Thuê kho lưu chứa tang vật vi phạm về thuốc BVTV	90,000,000	63,000,000		
	Trang phục kiểm dịch	16,000,000			
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh trên cây ăn quả và cây ăn trái cây có múi	261,000,000	139,775,040		
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh hại lúa	180,000,000	116,082,720		
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh hại cà phê	90,000,000	15,591,680		
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh hại sắn	90,000,000	55,891,680		
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh hại điều	90,000,000	15,591,680		
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh hại mía	90,000,000	37,291,680		
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh hại ngô	90,000,000	55,891,680		
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh rau, hoa màu	72,000,000	42,993,600		
	Chương trình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM)	616,000,000			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)	
1	2	3	4	5	6	
	Tập huấn về cấp mã số vùng trồng	77,000,000				
	Kinh phí phát triển tiêu bền vững	90,000,000	15,591,680			
	Kinh phí kiểm tra, phân tích mẫu thuốc BVTV, Phân bón	231,000,000	40,128,000			
	Kinh phí giám sát, lấy mẫu đánh giá tình hình nguồn vật liệu nhân giống đã công nhận, kiểm tra hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng tại các vùng trọng điểm	38,000,000	26,500,000			
	Hội nghị cấp tỉnh Tổng kết niên vụ cà phê, sơ kết tổng kết công tác sản xuất	70,000,000				
	Hội nghị tăng cường quản lý nhà nước về giống cây trồng trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới	30,000,000				
	Tập huấn nâng cao Công tác QLNN về Công tác Giống cho cán bộ cấp xa và Trạm TT và BVTV Khu vực	77,000,000				
	Tổ chức Hội nghị tổng kết ngành hàng sầu riêng năm 2026, phương hướng nhiệm vụ năm 2027	39,000,000				
	Tổ chức Hội nghị Tăng cường công tác quản lý nhà nước về phân bón	39,000,000				
	Tổ chức Hội nghị Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thuốc Bảo vệ thực vật	39,000,000				
	Chi phục vụ công tác thu	90,000,000	2,162,875			
	Hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đến công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh Đắk Lắk NQ02	120,000,000	111,000,000			
	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024 của Chính phủ	108,000,000				
b	Chi mua sắm trang thiết bị	219,000,000				
	Mua sắm máy tính (15 bộ)	106,000,000				
	Mua sắm máy in	50,000,000				
	Mua bàn ghế làm việc	63,000,000				
c	Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công	1,026,000,000				
	bảo dưỡng, sửa chữa: Nhà làm việc Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Tuy An Bắc	501,000,000				
	Bảo dưỡng, sửa chữa: Nhà làm việc Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Sông Hinh	525,000,000				
2	Sự nghiệp kinh tế (Loại 280 - khoản 281)	13,352,000,000	4,760,439,417	35.7		
-	Kinh phí thường xuyên	13,055,000,000	4,760,439,417	36.5		
+	Quỹ lương	11,202,000,000	4,123,939,716			
+	Chi thường xuyên	1,853,000,000	636,499,701			
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	297,000,000		0.0		
	Chi hoạt động	297,000,000				
-	Quỹ tiền thưởng	297,000,000				